

Số: /QĐ-SKHCN

Gia Lai, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Công khai dự toán ngân sách năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc bổ sung kinh phí cho Sở Khoa học và Công nghệ để thực hiện chi trả hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số theo quy định tại Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ Gia Lai (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- WEBSITE Sở;
- Lưu: VT, VP

GIÁM ĐỐC

Trần Kim Kha

DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SKHCN ngày tháng năm 2026)

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số phân bố	Chi tiết theo đơn vị	
				Văn phòng Sở	Trung tâm Chuyển đổi số
	Mã QHNS			1072919	1135909
A	B	C		2	3
I	TỔNG DỰ TOÁN THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	1.457.500.000	1.457.500.000	550.000.000	907.500.000
II	DỰ TOÁN PHÂN BỐ KỲ NÀY (đơn vị được rút tại KBNN)	1.457.500.000	1.457.500.000	550.000.000	907.500.000
1	Chi hành chính nhà nước	550.000.000	550.000.000	550.000.000	0
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>				
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	550.000.000	550.000.000	550.000.000	
	Kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng	550.000.000	550.000.000	550.000.000	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3	Chi sự nghiệp Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	907.500.000	907.500.000	0	907.500.000
3.1	<i>Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên</i>				
	<i>Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên</i>				
3.2	<i>Chi nghiệp vụ:</i>	907.500.000	907.500.000		907.500.000
-	Kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng	907.500.000	907.500.000		907.500.000
Kho bạc Nhà nước khu vực nơi đơn vị sử dụng NS giao dịch				KBNN KV XV	KBNN KV XV
Mã Phòng Giao dịch thuộc KBNN khu vực nơi đơn vị sử dụng NS giao dịch				2011	2011